

DOCAT

MỖI TUẦN MỘT ĐỀ TÀI – TUẦN 14

Giới răn yêu thương trong Tân Ước là gì?

Trong Thông Điệp *Redemptor Hominis* (“Đấng Cứu Chuộc Con Người”), Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II nói rằng: “Con người không thể sống mà không có tình yêu. Nếu tình yêu không được mạc khải cho con người, nếu con người không gặp gỡ tình yêu, nếu con người không cảm nghiệm và sở hữu tình yêu, và nếu con người không tham dự cách mật thiết trong tình yêu, thì con người vẫn mãi là một hữu thể không thể hiểu chính mình và cuộc sống của nó thật vô nghĩa.”¹ Ai trong chúng ta cũng phải công nhận rằng, tình yêu là một yếu tố không thể thiếu trong đời sống của con người. Chúng ta sinh ra vì tình yêu và để yêu. Nói cách khác, khát vọng căn bản của con người là yêu và được yêu. Như vậy, chỉ yêu vẫn chưa đủ, nhưng phải cảm nghiệm được rằng “mình được yêu” mới làm cho cuộc sống trở nên hoàn hảo.



Trong bài DOCAT 13, chúng ta đã chia sẻ với nhau về mạc khải của Thiên Chúa cho con người đạt đến đỉnh cao và tuyệt đối nơi Đức Giêsu Kitô. Chúng ta cũng đã trình bày sự khác biệt giữa mạc khải của Thiên Chúa về chính mình cho con người trong Cựu Ước qua Lề Luật và các Ngôn sứ với mạc khải của Thiên Chúa về chính mình trong “Người Con Chí Thánh.” Nếu có sự khác biệt như thế trong mạc khải giữa Cựu Ước và Tân Ước, thì chắc chắn cũng có sự khác biệt trong giới răn yêu thương được tìm thấy trong Tân Ước so với Cựu Ước. Đây là sự khác biệt mà chúng ta tìm thấy trong giới răn yêu thương của Tân Ước? Chúng ta tìm thấy câu trả lời trong DOCAT như sau:

Nhiều nền văn hoá xem Quy tắc vàng (“Cư xử với người khác theo cách bạn muốn mình được đối xử”) như chuẩn mực của đời sống lương thiện. Điều răn yêu thương trong Cựu Ước còn rõ ràng hơn: “Người phải yêu đồng loại như chính mình” (Lv 19:18). Đức Giêsu nhấn mạnh điều răn yêu thương và cụ thể hoá điều răn này bằng cách liên hệ tới chính Người và sự hy sinh mạng sống của Người: “Đây là điều răn của Thầy: anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 15:12). Tình thương đó hướng đến cả cá nhân và cộng đồng ngang nhau: mỗi người đều quan trọng, vì là một cá thể độc nhất được Chúa thương yêu – và nhờ lòng yêu thương, mỗi người có thể cậy dựa vào anh em đồng loại. Tình yêu siêu nhiên của Thiên Chúa là khởi đầu cho “một nền văn minh tình yêu” (theo lời của Giáo hoàng Phaolô VI và Gioan Phaolô II), và tất cả mọi người đều có thể góp phần kiến tạo nền văn minh ấy.

Câu trả lời trong DOCAT gồm bốn ý tưởng chính: (1) Giá trị của quy tắc vàng; (2) điều răn yêu thương trong Cựu Ước là lời yêu thương rõ ràng hơn so với quy tắc vàng; (3) tính cụ thể của giới răn yêu thương trong Tân Ước; và (4) tình yêu siêu nhiên của Thiên Chúa là khởi đầu của nền “văn minh tình thương.” Đây là bốn điểm được nêu ra trong câu trả lời của DOCAT, nhưng

¹ ĐTC Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Redemptor Hominis* (“Đấng Cứu Chuộc Con Người”) (4/3/1979), số 10.

không được giải thích. Vì vậy, chúng ta sẽ tìm hiểu cận kẽ hơn bốn điểm trên để hiểu hơn về nét tuyệt vời của giới răn yêu thương trong Tân Ước mà câu hỏi đề ra.

Tình yêu dựa trên quy tắc vàng

Chúng ta thường có nhiều thước đo để đo lường cuộc sống và giá trị con người. Những thước đo đó có thể là tiền tài, danh vọng, ảnh hưởng trong xã hội và Giáo Hội. Và chúng ta cũng hay dựa trên những thước đo này để đối xử với người khác. Nhưng ít người trong chúng ta để ý đến một thước đo mà mọi người, không phân biệt tôn giáo có thể sử dụng để đối xử với nhau, đó là, thước đo vàng hay còn gọi là quy tắc vàng [như trong câu trả lời của DOCAT]. Thước đo vàng là “nguyên tắc đối xử với người khác” như chính mình muốn được người khác đối xử. Thước đo vàng này được tìm thấy trong nhiều tôn giáo và văn hoá. Nó có thể được xem là nguyên tắc “luân lý hỗ tương” mà một số tôn giáo dạy các tín đồ của mình.

Quy tắc vàng có thể được diễn tả bằng mệnh lệnh tích cực hay tiêu cực. Mệnh lệnh tích cực được tìm thấy trong câu trả lời của DOCAT, đó là, “hãy cư xử với người khác theo cách bạn muốn mình được đối xử” [Ví dụ: Nếu chúng ta muốn người khác yêu thương chúng ta hãy yêu thương họ; nếu chúng ta muốn người khác tể nhị với chúng ta thì chúng ta phải đối xử tể nhị với họ, v.v.]. Còn theo cách tiêu cực: “Đừng đối xử với người khác theo cách thức mà bạn không muốn họ đối xử với bạn” [Ví dụ: Nếu chúng ta không muốn người khác lừa dối mình, thì đừng lừa dối họ; nếu chúng ta không muốn người khác nói xấu mình, thì đừng nói xấu họ, v.v.]. Lời diễn tả tiêu cực của quy tắc vàng được tìm thấy đầu tiên trong triết học. Theo truyền thuyết, thước đo vàng xuất hiện trong thời gian đầu thời Khổng Tử (551-479 TCN). Vì vậy, nhiều người tin rằng Khổng Tử chính là người đầu tiên dạy cho các môn sinh của ông đối xử với nhau dựa trên thước đo vàng.

Trong Tân Ước, thước đo vàng được tìm thấy trong Tin Mừng Thánh Máttêu và Tin Mừng Thánh Luca. Và cả hai được diễn tả dưới dạng mệnh lệnh tích cực. Trong Tin Mừng Thánh Máttêu (7:12), chúng ta đọc thấy: “VẬY TẮT CẢ NHỮNG GÌ ANH EM MUỐN NGƯỜI TA LÀM CHO MÌNH, THÌ CHÍNH ANH EM CŨNG HÃY LÀM CHO NGƯỜI TA, VÌ *Luật Môsê và lời các ngôn sứ là thế đó.*” Thánh Máttêu trình bày thước đo vàng là ý nghĩa đích thật của Lễ Luật và các Ngôn sứ. Chi tiết này chúng ta không tìm thấy trong Tin Mừng Thánh Luca (6:31): “Anh em muốn người ta làm gì cho mình, thì cũng hãy làm cho người ta như vậy.” Như vậy, chính Chúa Giêsu cũng tôn trọng và dạy mọi người sử dụng quy tắc vàng như quyên tắc nền tảng để đối xử với nhau, nhưng không dừng lại ở đó.

Trên căn bản, quy tắc vàng là nguyên tắc đối xử với người khác dựa trên đức công bình: Hãy trả cho người khác những gì thuộc về họ nếu muốn người khác trả lại cho mình những gì thuộc về mình. Nói cách khác, hãy đối xử với những “hữu thể khác” đúng với giá trị của hữu thể: Nếu là một sự vật thì đối xử với nó như một sự vật; còn nếu là một con người thì hãy đối xử với họ như một nhân vị có phẩm giá mà không phân biệt giàu nghèo hay địa vị xã hội. Tuy nhiên, đối với những người Kitô hữu, chúng ta không dừng lại ở đức công bình của thước đo vàng – đối xử với người khác như những “con người.” Chúng ta đối xử với nhau theo luật yêu thương được tìm thấy trong Cựu Ước và trong Tân Ước. Đây là điều chúng ta sẽ tìm hiểu trong những phần tới.

Giới răn yêu thương trong Cựu Ước

Ai trong chúng ta cũng đã một lần nghe hoặc đọc những lời sau: Chúng ta là những người của Giao Ước mới, những người của Tân Ước, nên chúng ta không còn sống với những giới răn của Cựu Ước. Điều này hoàn toàn sai vì Chúa Giêsu không đến để bãi bỏ Lễ Luật và Ngôn sứ, nhưng để kiện toàn (x. Mt 5:17). Vì vậy, giới răn yêu thương trong Cựu Ước vẫn giữ nguyên giá trị tuyệt đối của nó trong đời sống của người Kitô hữu chúng ta.

Như đã trình bày trong phần về quy tắc vàng, chúng ta phải đối xử với nhau như những “con người.” Còn giới răn yêu thương trong Cựu Ước mời gọi chúng ta yêu thương và đối xử với người khác không chỉ như những “con người” mang tính “đồng loại” [đúng hơn “người thân cận” (Lv 19:18; Lc 10:27, 29)] như được tìm thấy trong câu trả lời của DOCAT, nhưng như “hình ảnh của Thiên Chúa” (St 1:27). Theo giáo huấn của Giáo Hội, phẩm giá của con người hệ tại ở sự kiện là họ được tạo dựng “theo hình ảnh và giống Thiên Chúa.” Nên họ phải được đối xử với cách thức mà Thiên Chúa đối xử với họ. Và Thiên Chúa chỉ có một cách đối xử duy nhất với con người, đó là, yêu thương [vì Ngài là tình yêu] (x. 1 Ga 4:8). Chính trong bối cảnh này mà Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II nói rằng: “Chỉ có một cách thức xứng hợp để đối xử với con người là yêu thương.”

Trước tiên, chúng ta cần làm rõ vấn đề tại sao Thiên Chúa muốn yêu thương trở thành giới răn hay mệnh lệnh? Nếu chúng ta xem trong tự điển chữ “giới răn” hay “mệnh lệnh,” chúng ta nhận ra rằng đây là điều “chúng ta phải làm” dù nhiều khi chúng ta không thích hoặc không muốn. Giống như một công nhân đi làm ở công ty, khi giám đốc ra lệnh làm một điều gì, họ phải thực hành dù họ không muốn làm. Như vậy, khi tình yêu trở thành giới răn hay mệnh lệnh, tức là tình yêu trở thành điều chúng ta “phải làm” dù chúng ta “không thích.” Điều này cho thấy, tình yêu không chỉ là một cảm xúc chóng qua như tâm lý học nói, nhưng là một quyết định mang tính vĩnh cửu. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II nói rằng: “Nếu một người yêu mà không quyết định yêu cho đến trọn đời, thì sẽ thấy khó khăn để sống trung thành dù chỉ một ngày.”

Như chúng ta đã chia sẻ trong DOCAT12, khi nói đến giới răn trong Cựu Ước là ám chỉ Mười Điều Răn, và chúng ta chỉ hiểu Mười Điều Răn khi đặt chúng ta trong bối cảnh của giao ước. Cũng chỉ trong bối cảnh giao ước mà chúng ta mới hiểu được giới răn yêu thương trong Cựu Ước: “Người hãy yêu đồng loại như chính mình” (Lv 19:18). Nếu chúng ta trở lại với bản văn của sách Lêvi, chúng ta thấy mệnh lệnh yêu thương được ban trong bối cảnh “tôn thờ” của chương 19. Đây là giới răn căn bản và là đỉnh cao của “luật yêu người” trong Cựu Ước. Nếu được đặt trong bối cảnh “tôn thờ” của chương 19, mệnh lệnh yêu thương tha nhân chính là cách thức điển tả cụ thể của chúng ta trong việc tôn thờ Thiên Chúa và cũng là cách thức để trở nên thánh thiện như Thiên Chúa là Đấng thánh (x. Lv 19:2).

Còn khi đặt trong bối cảnh lớn hơn, từ chương 17 đến 27 – nói đến luật về sự thánh thiện, thì luật yêu thương đồng loại chính là con đường nên thánh. Nói cách cụ thể hơn, người sống yêu thương là người sống thánh thiện. Chúng ta thường hiểu những người sống thánh là những người làm phép lạ hoặc làm những việc phi thường. Nhưng trong Kinh Thánh, sống thánh không phải là làm những việc phi thường, nhưng làm những việc tầm thường với tình yêu phi thường. Phép lạ thường được hiểu như là điều gì đó không thể giải thích, như chữa bệnh hiểm nghèo hoặc những hành động ngoại thường mà chúng ta đọc thấy trong hạnh các thánh. Quả thật là như thế! Tuy nhiên, có loại phép lạ làm vì tình yêu mà ít người để ý đến: Yêu một người không đáng để yêu không phải là phép lạ sao? Giúp một người không đáng giúp không phải là phép lạ sao? Tha thứ cho một người không đáng để tha thứ không phải là phép lạ sao? Vì những điều này vượt qua “lối sống bình thường” của con người.

Nét độc đáo của giới răn yêu thương trong Tân Ước

Giới răn yêu thương trong Tân Ước được tìm thấy trong khung cảnh của Bữa Tiệc Ly [Bữa Ăn Tối Cuối Cùng của Chúa Giêsu]. Đây là lời rất quan trọng, hay còn gọi là lời “trần trời” hay “đi ngôn” của Chúa Giêsu cho các môn đệ [qua mọi thời]. Trong kinh nghiệm sống, khi một người đối diện với cái chết, những lời nhắn nhủ sau cùng luôn là những lời phát xuất từ tận đáy thâm sâu của con tim và là những lời quan trọng nhất cần phải được thực hiện. Chính trong bối cảnh này mà chúng ta biết và hiểu nét độc đáo của giới răn yêu thương trong Tân Ước.



Chúng ta tìm thấy giới răn yêu thương trong Tân Ước trong Tin Mừng Thánh Gioan: “Đây là điều răn của Thầy: anh em hãy yêu thương nhau *như Thầy đã yêu thương anh em*” (Ga 15:12). Nét độc đáo của giới răn yêu thương trong Tân Ước nằm trong những từ in nghiêng: “yêu như thầy yêu thương anh em.” Tự bản chất, mệnh lệnh yêu thương không mới vì khi con người bắt đầu hiện hữu thì mệnh lệnh này cũng được đặt trong con tim của con người. Nhưng trong quy tắc vàng và luật yêu thương trong Cựu Ước, con người [chính mình] là điểm quy chiếu của tình yêu. Nói cách khác, tiêu chuẩn của tình yêu được dựa trên “tiêu chuẩn chủ quan” để đánh giá: Yêu người khác như mình muốn họ yêu mình. Đây chính là điều làm cho tình yêu trở thành một “giá trị tương đối” vì mỗi người có một tiêu chuẩn riêng trong tình yêu. Nguy hiểm trong loại “tình yêu chủ quan” này là việc để cho cảm xúc chi phối nên dễ dàng dẫn đến những hành động “mù quáng” [không hợp luân lý], hoặc rơi vào thái độ cục bộ, yêu riêng. Chính ở đây, chúng ta thấy được cái mới trong giới răn yêu thương trong Tân Ước nằm ở điểm quy chiếu là chính Đức Giêsu Kitô. Cách cụ thể hơn, trong Cựu Ước, điểm quy chiếu của luật yêu thương là “chính mình,” còn trong Tân Ước, điểm quy chiếu là chính “Đức Giêsu Kitô.” Ngài đặt cho chúng ta một tiêu chuẩn yêu thương rất “khách quan” – tình yêu của Ngài. Ngài còn đi xa hơn khi nói với các môn đệ rằng: “Chúa Cha đã yêu mến Thầy thế nào, Thầy cũng yêu mến anh em như vậy. Anh em hãy ở lại trong tình thương của Thầy. Nếu anh em giữ các điều răn của Thầy, anh em sẽ ở lại trong tình thương của Thầy, như Thầy đã giữ các điều răn của Cha Thầy và ở lại trong tình thương của Người” (Ga 15:9-10). Như vậy, tình yêu của Ngài có điểm quy chiếu chính là tình yêu của Chúa Cha. Điều này có nghĩa là theo Chúa Giêsu, tiêu chuẩn của luật yêu thương là “chính tình yêu,” là chính Thiên Chúa vì Ngài là tình yêu (x. 1 Ga 4:8). Nói cách khác, chúng ta được mời gọi sống trung thành với bản chất của tình yêu là “chúng ta vẫn mãi yêu” dù người khác có đối xử với chúng ta như thế nào đi nữa; chúng ta vẫn mãi yêu dù người khác không đáng yêu; chúng ta vẫn mãi yêu ngay cả kẻ thù của chúng ta. Tóm lại, chúng ta không yêu theo cách thức chúng ta muốn, nhưng theo cách thức Chúa muốn, đó là yêu cho đến cùng (x. Ga 13:1).



Điểm thứ hai đem lại tính độc đáo và cụ thể cho giới luật yêu thương trong Tân Ước là câu nói “bất hủ” của Chúa Giêsu: “Không có tình thương nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng vì bạn hữu của mình” (Ga 15:13). Câu này nói đến cái chết của Đức Giêsu trên thập giá. Cái chết này diễn tả cách hùng hồn và sâu xa nhất tình thương của Người đối với các môn đệ được gọi là *bạn hữu* của Người. Chúng ta thường gọi những người mang lại cho chúng ta niềm vui và hạnh phúc là bạn hữu. Họ là những người sẵn sàng chia sẻ vui

buồn với chúng ta. Ý niệm về bạn hữu này hoàn toàn khác với ý niệm bạn hữu của Chúa Giêsu. Khi Chúa Giêsu gọi các môn đệ là bạn hữu, Ngài đang gọi một Phêrô là kẻ sẽ chối Ngài, một Giuđa là kẻ sẽ nộp Ngài, và mười môn đệ khác sẽ là những kẻ bỏ Ngài mà chạy. Chúng ta có dám chọn những loại người này làm bạn hữu của chúng ta không? Không chỉ chọn làm bạn hữu mà còn sẵn sàng hy sinh mạng sống mình vì họ? Đây chính là nét mới mẻ và độc đáo của giới răn yêu thương trong Tân Ước, là đi vượt qua bản tính tự nhiên của con người để yêu thương với “bản tính Thiên Chúa” mà chúng ta được chia sẻ trong Bí Tích Rửa Tội. Yêu một người chúng ta thích là “con người,” còn yêu một người “không đáng để yêu” là “Thiên Chúa.”

Nền “văn minh tình thương” là gì? Cụm từ này được Đức Thánh Cha Phaolô VI “sáng chế” ra và được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II phổ biến và đưa vào trong giáo huấn của Giáo Hội [nhất là trong Lá Thư cho Các Gia Đình]. Theo nghĩa của từ, “văn minh” (“civilization”) có gốc Latin là *civis* (“công dân”). Theo nghĩa này, từ “văn minh” nhấn mạnh đến bình diện chính trị của sự hiện hữu của cá nhân trong xã hội. Và theo nghĩa hẹp của ngôn từ, từ “văn minh” chỉ thích hợp sử dụng trong những lãnh vực mang tính nhân văn, tức là chỉ áp dụng cho con người. Tóm lại, “văn minh” được tạo nên bởi sự hiệp thông của những nhân vị sống với nhau trong xã hội. Hơn nữa, văn minh chỉ được xây dựng chung quanh những “công dân có tương quan với nhau.”

Để tạo nên “nền văn minh tình thương” đòi hỏi một tiến trình phức hợp và đầy thách đố vì nó đòi hỏi con người phải đi vượt qua các ranh giới của chính trị, kinh tế, văn hoá, tôn giáo và sắc tộc để đạt đến cái cốt lõi, đó là, sự sống và nhân vị con người. Khi nói đến nền văn minh tình thương, chúng ta phải có những tiền đề sau: (1) Chúng ta phải biết sự thật về con người [là một nhân vị được tạo dựng theo hình ảnh và giống Thiên Chúa và là con cái Thiên Chúa, là đền thờ của Chúa Thánh Thần và đồng thừa tự với Đức Kitô]; (2) chúng ta phải biết sự thật về gia đình [là trường dạy đầu tiên về đức tin – cậy – mến, là “tế bào” của xã hội, là Giáo Hội tại gia và là trường học về nhân đức]; và (3) chúng ta phải biết sự thật về xã hội [nơi con người tìm thấy chỗ đứng của mình trong kế hoạch cứu chuộc của Thiên Chúa]. Nếu không có những sự thật liên hệ không thể tách rời này thì nền văn minh tình thương chỉ là một hoang tưởng. Nói cách cụ thể hơn, Chúng ta phải biết tôn trọng những giá trị nội tại và nhân phẩm của con người, những nhân vị được sinh ra vì yêu và để yêu.

Thánh Gioan dạy chúng ta rằng: Thiên Chúa là tình yêu (1 Ga 4:8). Tuy nhiên, đối với chúng ta là những Kitô hữu, tình yêu không phải là một ý niệm trừu tượng. Nói cách khác, tình yêu không phải là một “cái gì đó” nhưng là một “Ai Đó.” Chúng ta không đi tìm tình yêu trong những công thức hoặc trong sách vở, nhưng trong những con người đang sống với chúng ta. Vì vậy, tình yêu không bao giờ xảy ra trong sự cô độc [tình yêu một chiều], nhưng luôn trong tương quan liên vị. Nền văn minh tình thương chỉ phát triển và tồn tại tại chúng ta ngừng đi tìm mật thiết với “sự vật,” và đào sâu tương quan với “Người Khác.”



văn minh tình thương khi mỗi người trong để thiết lập tương quan nhưng đi tìm, thiết lập với “người khác” và